

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2021.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Yên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Lợi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 192/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh S có mặt tại phiên tòa, chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Văn S trình bày:

Anh S và chị L kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện C ngày 15/01/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng sau đó đến khoảng năm 2015, anh S phát bệnh do tiền sử bị bệnh tiểu đường và thoát vị đĩa đệm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do anh S bị bệnh không thể

làm việc nặng, anh phải tự kiếm tiền để lo trị bệnh hoặc vay bên ngoài chứ chị L không quan tâm gì đến anh. Nhận thấy, vợ chồng sống với nhau không tình nghĩa, cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc.

Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 06/02/2001 và Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2009. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao con chung Huỳnh Thị Ngọc H cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Huỳnh Thị Kim N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị L không có văn bản ý kiến. Tòa án triệu tập chị L để tham gia phiên hòa giải và xét xử nhưng chị L vẫn không có mặt.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh S (bản photo);
- 01 giấy đăng ký kết hôn (bản chính);
- 02 giấy khai sinh con chung (bản sao);
- Đơn xác nhận nơi cư trú của chị L (bản chính).

Các tài liệu trong hồ sơ anh S đều thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Văn S về việc yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Xét thấy, bị đơn là chị Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành mở phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh S và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện C ngày 15/01/2001 nên hôn nhân của anh S và chị L là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng sau đó khi anh S phát bệnh, do tiền sử bị bệnh tiểu đường và thoát vị đĩa đệm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do anh S bị bệnh không thể làm việc nặng, anh phải tự kiếm tiền để lo trị bệnh hoặc vay bên ngoài chứ chị L không quan tâm gì đến anh. Nhận thấy, vợ chồng sống với nhau không tình nghĩa, cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh S yêu cầu được ly hôn với chị L là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 06/02/2001 và Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2009. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao con chung Huỳnh Thị Ngọc H cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Huỳnh Thị Kim N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, Theo văn bản ý kiến thì con chung Huỳnh Thị Ngọc H đã trên 7 tuổi hiện đang sống với chị L và có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Anh S cũng đồng ý giao con chung Huỳnh Thị Ngọc H cho chị L nuôi dưỡng nên để đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị L quyền tiếp tục nuôi con chung. Anh S không cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị L không có văn bản ý kiến yêu cầu. Anh Huỳnh Văn S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng chị L vẫn không có mặt, không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không xem xét ý kiến của chị L.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì anh S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai số 0004238 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn S.

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn S được ly hôn với chị Trần Thị L.

- Về con chung:

Chị Trần Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 23/01/2009. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Anh Huỳnh Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Anh Huỳnh Văn S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai số 0004238 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Huỳnh Văn S có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; chị Trần Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS HCL;
- UBND xã B1;
- Lưu (Y).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Yến